

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 149/2026/HS-PT
Ngày 05 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoàng L - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 524/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025; do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 705/2025/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 70/2026/QĐXXPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026, đối với:

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Bùi Ngọc T**; giới tính: Nam; sinh ngày 12/7/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn C, xã E, thành phố B (nay là Thôn C, phường E), tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: không (Căn cước công dân số 066090022187 cấp ngày 12/01/2022; nơi cấp Bộ Công an); con ông Bùi Văn S, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là Lý Thị Như Ý, sinh năm 1999 (là bị hại trong vụ án đã chết) và có 02 con tên Bùi Lý Gia H1, sinh 24/7/2017 và Bùi Lý Gia T1, sinh 19/11/2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/8/2024 đến nay tại Trại tạm giam C, Công

an Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:* Ông Lê Viết K, Luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại:* Chị Lý Thị Như Ý, sinh năm 1999 (đã chết),

Đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Lý Văn A, sinh năm 1972 và bà Trịnh Thị S1, sinh năm 1977 (là cha, mẹ đẻ của bị hại). Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp T, xã H, An Giang) vắng mặt.

+ Cháu Bùi Lý Gia H1, sinh ngày 19/11/2017 và Bùi Lý Gia T1, sinh ngày 24/7/2019 (là con chung của bị cáo T và bị hại Lý Thị Như Ý), do bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968 là bà nội của các cháu đại diện giám hộ. Cùng trú tại: Thôn C, xã E, thành phố B (nay là thôn C, phường E), tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trần Thị T2, sinh năm 1970. Trú tại: 48 ấp T, xã B, huyện H (nay là 48 ấp T, xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc T và chị Lý Thị Như Ý là vợ chồng, kết hôn ngày 12/02/2018, cùng trú tại Thôn C, xã E, thành phố B; vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Lý Gia H1, sinh ngày 19/11/2017 và Bùi Lý Gia T1, sinh ngày 24/7/2019. Tháng 11/2022, do cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nên chị Như Ý bỏ nhà đến Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê và không về nhà.

Khoảng 11 giờ ngày 16/4/2023, chị Ý đến nhà vợ chồng dì ruột tên Trịnh Thị D ở thuê tại phòng trọ số I, nhà số C ấp T, xã B, huyện H (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) chơi. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/4/2023, Bùi Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 47B2-169.64 cũng đến nhà số C ấp T, xã B, huyện H để gặp chị Ý. Sau đó, chị Ý và mọi người rủ T cùng đi sinh nhật bạn, T chở chị Ý, còn anh T3 là chồng chị D. Khi tới đám sinh nhật, T không vào tham dự mà đứng bên ngoài chờ. Khoảng 18 giờ kết thúc sinh nhật, chị Ý và T về lại phòng trọ số 9 nấu cơm ăn chung với vợ chồng anh T3, anh T3 có đi mua bia về uống cùng T đến khoảng 22 giờ thì nghỉ. Do chị Ý không muốn cho T biết nơi mình ở nên ngủ lại, T xin chị Ý cho ngủ lại, chị Ý đồng ý nên T và chị Ý cùng ngủ với nhau trên gác phòng trọ. Quá trình ngủ chung, giữa T và chị Ý xảy ra cãi nhau về việc chị Ý tự bỏ nhà đi mấy tháng nay không về với 02 con và có người khác.

Khoảng 02 giờ ngày 17/4/2023, T đi xuống tầng trệt phòng trọ lấy cục sạc điện thoại và lấy con dao dài khoảng 23 cm trong túi xách (dao Tuyền mang theo bỏ trong túi xách sẵn) cầm trên tay phải đi lên gác phòng trọ, khi lên gác phòng trọ thì T thấy chị Ý đang nằm ngủ, T ngồi kế bên chị Như Ý và T đưa mũi con dao kề sát vào cổ của chị Ý định giết chị Như Ý. Ngay lúc này, chị Ý quay người qua dẫn đến con dao đâm sâu vào cổ của chị Ý nên chị Ý la lên “*anh làm gì vậy T*” và chị Ý dùng tay nắm lấy tay của T. Thấy chị Ý bị dao đâm vào cổ chảy máu nhiều thì T rút con dao ra. Vợ chồng ông T3 và bà D là chủ nhà nghe tiếng la hét của chị Ý nên thức dậy bật đèn và anh T3 chạy lên gác phòng trọ thì thấy chị Ý đang bị T dùng tay trái kẹp cổ và có máu phun ra, ông T3 đến kéo chị Ý ra và thấy trên tay phải của T đang cầm dao hướng về phía anh T3 nhưng không nói gì. Lúc này, ông T3 tiếp tục kè kéo chị Ý đến cầu thang tuột xuống, đến cửa phòng trọ thì chị Ý gục ngã bất tỉnh. Lo sợ bị bắt, T dùng con dao vừa đâm chị Ý tự đâm vào cổ của T 01 nhát để tự tử.

Vợ chồng ông T3 đưa chị Ý đi cấp cứu tại Bệnh viện H2 nhưng chị Ý đã tử vong nên ông T3 đến Công an xã B, huyện H trình báo vụ việc. Công an xã B đến hiện trường, phát hiện T đang nằm trên người nhiều máu, trên cổ còn cắm con dao Thái Lan, lực lượng Công an đưa T đi cấp cứu tại Bệnh viện C1.

Công an xã B, huyện H tiến hành bảo vệ hiện trường thông báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H phối hợp cùng các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, tiến hành khám nghiệm tử thi.

Ngày 27/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành bắt bị can để tạm giam đối với Bùi Ngọc T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, T khai nhận đưa mũi con dao kề sát vào cổ của chị Ý thì chị Ý quay qua dẫn đến con dao đâm sâu vào cổ, T không có ý định giết chết chị Ý. Lời khai của T là quanh co, gây khó khăn cho quá trình điều tra, không phù hợp với vật chứng đã thu giữ và kết quả giám định pháp y về nguyên nhân chết của chị Ý cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

** Các kết quả giám định:*

- Tại Bản kết luận giám định tử thi số 3869-23/KL-KTHS ngày 19/6/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H về nguyên nhân chết của Lý Thị Như Ý: “ *Các kết quả chính: Vùng cổ trái trên trong xương đòn trái có vết thủng da, kích thước 6 cm x 01 cm, ở giữa có 2 góc nhọn (khép 2 góc nhọn tạo thành vết thủng da, dạng hình khe, bờ mép sắc gọn, kích thước 2,8 cm x 01 cm), làm thủng cơ vùng cổ trái, làm đứt động tĩnh mạch dưới đòn trái (gây tụ máu nặng mô liên kết vùng cổ trái), tiếp tục đi vào khoang ngực làm thủng khe liên sườn 1 ở phía sau dạng hình khe, kích thước 01 cm x 0,5 cm và làm thủng cơ phía vai lưng trái tạo vết thủng da, kích thước 0,8 cm x 0,1 cm. Vết thương có chiều hướng từ trước ra sau và hơi chếch từ dưới lên trên, sâu khoảng 11 cm. Tim, 2 phổi nhợt nhạt không tổn thương. Khoang ngực trái có đầy*

máu đông lẫn không đông khoảng 2 lít. Các tạng khác trong ổ bụng nhợt nhạt và không tổn thương. Ổ bụng sạch. Vùng ngực dưới giữa xương đòn trái có đứt da nông bờ mép gọn, kích thước 01 cm x 0,2 cm. Vùng vai trái có vết đứt da nông, kích thước 05 cm x 01 cm, bờ mép sắc gọn. Các vết đứt da nông chỉ gây tổn thương da và mô dưới da. Trong máu không tìm thấy côn và ma túy. Trong máu và chất chứa dạ dày có sự hiện diện của A1 (Paracetamol) (thuốc giảm đau, hạ sốt) và C (chất kích thích thần kinh trung ương yếu). Mẫu máu nạn nhân thuộc nhóm máu O. Không phát hiện xác tinh trùng trong mẫu gạc thấm dịch âm đạo.

Kết luận: Lý Thị Như Ý chết do sốc mất máu cấp do vết thương đâm đứt động tĩnh mạch dưới đòn trái. Trong máu không tìm thấy côn và ma túy. Trong máu và chất chứa dạ dày có sự hiện diện của A1 (Paracetamol) (thuốc giảm đau, hạ sốt) và C (chất kích thích thần kinh trung ương yếu). Mẫu máu nạn nhân thuộc nhóm máu O (Hoàn trả mẫu sau khi giám định)."

- Tại Bản kết luận giám định tử thi bổ sung số 7871-23/KL-KTHS ngày 18/8/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận: *"Mẫu máu của nạn nhân Lý Thị Như Ý do bác sỹ Phòng K1 Công an Thành phố H thu khi giải phẫu tử thi thuộc nhóm máu O; Con dao dài 23cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11,5 cm, bản lưỡi chỗ rộng nhất 1,9 cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ có dính máu người, không đủ cơ sở xác định nhóm máu; Quần jeans cần giám định có dính máu người, thuộc nhóm máu O, cùng nhóm máu với nhóm máu Lý Thị Như Ý."*

- Tại Bản kết luận giám định tử thi bổ sung số 10355-23/KL-KTHS ngày 11/10/2023 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận: *"Cơ chế hình thành dấu vết để lại trên tử thi: Các vết thủng da là do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế đâm. Vết thủng da vùng cổ trái trên trong xương đòn trái là nguyên nhân gây ra cái chết của nạn nhân Lý Thị Như Ý. Các vết đứt da do vật sắc gây ra theo cơ chế cắt."*

Nhận định: Căn cứ vào vết thương và cơ chế hình thành dấu vết để lại trên tử thi: không đủ cơ sở kết luận "01 con dao dài khoảng 23cm, cán dao bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại" như Cơ quan Cảnh sát điều tra mô tả có gây ra được vết thương trên người nạn nhân Lý Thị Như Ý không."

- Sau khi Tòa án trả hồ sơ vụ án để thực nghiệm, điều tra lại, tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi bổ sung số 6746-25/KL-KTHS ngày 30/05/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H, kết luận: *"Con dao 23 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài khoảng 11,5 cm, bản lưỡi dao rộng nhất là 1,9 cm, mũi nhọn, cán dao bằng gỗ gửi giám định là vật sắc nhọn có thể gây ra được các vết thương trên người nạn nhân Lý Thị Như Ý"*

* Vật chứng của vụ án: 01 con dao dài 23 cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ; 01 cái quần jean dài màu xanh.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Ông Lý Văn A và bà Trịnh Thị S1 là cha mẹ của chị Ý có đơn xin bãi nại cho Bùi Ngọc T và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Bà Nguyễn Thị Kim H (mẹ của Bùi Ngọc T), hiện là người đang nuôi dưỡng hai cháu Bùi Lý Gia H1 và Bùi Lý Gia T1 là con chung của T và chị Ý không có yêu cầu cấp dưỡng hoặc yêu cầu gì về dân sự; từ chối trợ giúp pháp lý đối với hai cháu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 705/2025/HS-ST ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T 19 (Mười chín) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27/8/2024.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/10/2025, ông Lý Văn A và bà Trịnh Thị S1 là người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Ngọc T.

Ngày 27/10/2025, ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H là người giám hộ của cháu Bùi Lý Gia H1 và cháu Bùi Lý Gia T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Bùi Ngọc T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người giám hộ cho cháu H1 và cháu T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày nguyên nhân dẫn đến bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, xử phạt bị cáo 19 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người đại diện hợp pháp của người bị hại và người giám hộ cho cháu H1 và cháu T1 kháng cáo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của những người đại diện hợp pháp của người bị hại:

[2.1] Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T đồng ý hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, nhưng cho rằng bị cáo chỉ đưa mũi dao kề sát vào cổ của chị Ý thì chị Ý quay qua dẫn đến con dao đâm sâu vào cổ của bị hại, bị cáo không có ý định giết bị hại. Bị cáo đồng ý như thực nghiệm điều tra và kết quả điều tra bổ sung.

[2.2] Xét thấy: Bị cáo Bùi Ngọc T do có mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng với chị Như Ý, sau khi tìm kiếm và gặp được chị Ý, khoảng 02 giờ ngày 17/4/2023, tại phòng trọ số I, nhà số C ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc ngủ với chị Ý trên gác xép phòng trọ, bị cáo đã xuống tầng trệt phòng trọ lấy 01 con dao bằng kim loại có cán nhựa màu đen dài 23 cm (lưỡi dao dài 11,5 cm, mũi nhọn bén) trong túi xách mà bị cáo đã chuẩn bị từ trước cầm trên tay phải đi lên gác phòng trọ, thấy chị Như Ý đang nằm ngủ, bị cáo ngồi kế bên và cầm dao trên tay phải đâm một nhát vào vùng cổ trái của chị Ý làm chị Ý chết trên đường đến Bệnh viện cấp cứu. Sau đó lo sợ bị bắt, T dùng dao tự đâm vào cổ của T 01 nhát để tự tử, nhưng không chết do được lực lượng Công an đưa đi cấp cứu.

[2.3] Quá trình ngủ chung, bị cáo cho rằng giữa bị cáo và chị Ý xảy ra cãi nhau về việc chị Ý tự bỏ nhà đi không về với 02 con và có người khác. Tuy nhiên, vợ chồng ông T3, bà D là người nằm ngủ dưới gác nhà trọ trình bày trong suốt quá trình sau khi tất cả mọi người đi dự sinh nhật về đến khi đi ngủ và đến thời điểm gây án, giữa bị cáo và chị Ý không nghe thấy cãi cọ, vẫn đùa giỡn lẫn nhau. Vết thương để lại trên cổ của chị Ý sâu thể hiện bị cáo cố ý dùng dao đâm gây hậu quả chị Ý bị chết.

Hành vi của bị cáo Bùi Ngọc T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “*Giết người*” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Có tính chất côn đồ*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng dao nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào vùng cổ của bị hại là vùng nguy hiểm, trọng yếu trong cơ thể con người có thể dẫn đến chết người, tuy bị cáo không mong muốn nhưng vẫn có ý thức bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Bị cáo mặc dù thừa nhận có dùng dao gây ra vết thương trên cổ bị hại, tuy nhiên mức độ khai báo thành khẩn không cao, chưa khai báo đầy đủ và đúng sự thật về hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng con người, là khách thể đặc biệt được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an toàn xã hội, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật.

[2.5] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: khai báo thành khẩn, thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; là người dân tộc thiểu số nên có hạn chế về nhận thức; bản thân bị cáo là lao động chính đang nuôi 02 con nhỏ và được các đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét kháng cáo của các đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm án cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo, giàu lòng vị tha là đáng ghi nhận. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, xử phạt bị cáo 19 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Án phí: ông Lý Văn A, bà Trịnh Thị S1, ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Văn A, bà Trịnh Thị S1, ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 705/2025/HS-ST ngày 22/10/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Ngọc T** 19 (Mười chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/8/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Ông Lý Văn A, bà Trịnh Thị S1, ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM (2b);
- VKSND TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Trại tạm giam T30 CA TP. HCM
- “Để tổng đạt cho bị cáo” (2);
- ĐDHPBH (4);
- Lưu: VP (5), HS (2), 22B. (Án 09).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Đức Xuân**